

Bản án số: 19/2026/HS-ST

Ngày 15 - 7 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Xuân Thịnh và Bà Lâm Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2026/TLST-HS, ngày 29 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Triệu Thị L, sinh ngày 21/3/1974 tại: xã M, tỉnh Cao Bằng; Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn S, xã T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn C và bà Triệu Thị N (đã chết); có chồng là Triệu Văn T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/3/2026 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh Trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ trụ sở: xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T1, chức vụ: Chủ tịch UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền, ông Hoàng Văn T2, chức vụ: Trưởng phòng Kinh tế UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Triệu Văn T, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn S, xã T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/01/2026, tổ công tác Công an xã T, tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Hạt Kiểm lâm S, tỉnh Thái Nguyên thực hiện nhiệm vụ tuần tra quản lý, bảo vệ rừng tại địa bàn thôn S, xã T, tỉnh Thái Nguyên, phát hiện hai lô rừng tự nhiên bị phát phá trái phép tại lô 18 và lô 40 khoảnh 1, tiểu khu A, thuộc thôn S, xã T, tỉnh Thái Nguyên, theo Bản đồ quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đều thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, do hộ gia đình ông Triệu Văn T quản lý. Tổng số lâm sản tại hai lô rừng bị phát phá trái phép còn tại hiện trường là 1.677 gốc cây vầu, nứa và 115 khúc gỗ tự nhiên loài thông thường có khối lượng 3,354 m³ bị chặt hạ, đốt cháy. Qua xác minh xác định người thực hiện hành vi phát phá hai lô rừng nêu trên là Triệu Thị L (vợ của ông Triệu Văn T). Ngày 09/01/2026 Triệu Thị L đã tự nguyện giao nộp 01 con dao quả, 01 chiếc bật lửa gas đã sử dụng để phát phá hai lô rừng nêu trên.

Ngày 15/01/2026 Cơ quan điều tra phối hợp với các cơ quan chức năng cùng có mặt Triệu Thị L tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả: Khu vực rừng bị phát phá trái phép tại các lô 18, 40 khoảnh 1, tiểu khu A đều thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, trạng thái rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh (ký hiệu TXP), đối chiếu với Bản đồ quy hoạch lâm nghiệp quốc gia Ban hành theo Quyết định 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; theo Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T năm 2009 khu rừng bị phát phá nằm trong thửa đất số 5, khoảnh 1, Tiểu khu A, tờ bản đồ số 8 là đất rừng tự nhiên phòng hộ, (ký hiệu RPH), đồng thời sử dụng máy định vị cầm tay GPS Map 78, nhãn hiệu Garmin, hệ tọa độ, hệ quy chiếu VN-2000 do Hạt Kiểm lâm số 4 cung cấp, xác định tổng diện tích rừng bị phát phá trái phép là 4.800m², trong đó: tại lô 40 diện tích bị phát phá 1.800m²; lô 18 diện tích bị phát phá 3000m². Trên bề mặt diện tích này các cây bị chặt hạ nằm rải rác tại hiện trường, các cây vầu nứa, các cây thân gỗ bị cắt đổ ngổ ngang về nhiều hướng, các vết cắt có bờ mép nham nhở, để lại phần gốc nhô lên khỏi mặt đất với nhiều kích thước khác nhau, nhiều gốc cây, thân cây đã bị đốt cháy sém. Lâm sản bị thiệt hại còn lại tại hiện trường qua đo đếm xác định được 115 khúc gỗ tròn tự nhiên loài thông thường từ nhóm VI đến nhóm VIII khối lượng 3.354m³, có 1.677 gốc cây vầu nứa, thân cây đã bị đốt cháy sém.

Tại Công văn số 329/CCKL-QLBVR ngày 10/02/2026 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh T xác định: Căn cứ Bản đồ quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất (bản đồ số) kèm theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, vị trí khu rừng bị phát phá trái phép nêu

trên thuộc lô 40 và lô 18 khoảnh 1, tiểu khu A, trạng thái rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng (ký hiệu TXP); chức năng rừng phòng hộ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 26/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên kết luận: 3,354m³ gỗ tròn tự nhiên loài thông thường (đã cháy phần vỏ rác) trị giá 1.173.900 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên kết luận: 1.677 cây vầu, nửa đều đã bị đốt cháy trị giá 413.750 đồng.

Quá trình điều tra xác định được như sau: Đầu tháng 12/2025, Triệu Thị L đến khu rừng trên phát phá, đến cuối tháng 12/2025 thấy cây bị phát đã khô thì đốt, dọn dẹp rừng, mục đích phát phá để có thêm diện tích đất sản xuất, canh tác nông nghiệp cho gia đình. Đến ngày 03/01/2026 Tổ công tác Công an xã T, Hạt Kiểm lâm số 04 kiểm tra phát hiện, sau đó Triệu Thị L đã giao nộp con dao và chiếc bật lửa cho cơ quan Công an.

Quá trình điều tra Triệu Thị L khai nhận: Khu rừng trên đã được UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình, người đứng tên hộ gia đình là Triệu Văn T (chồng của L) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 097065 cấp ngày 15/11/2001. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thiếu đất sản xuất, nên đầu tháng 12/2025 L một mình phát rừng để lấy đất canh tác cho gia đình, L sử dụng 01 con dao quắm bằng kim loại, có cán gỗ để phát phá, chặt hạ cây gỗ tự nhiên, vầu, nửa, cây bụi... việc phát phá kéo dài hơn 10 ngày thì xong. Quá trình phát phá, L không xin phép cá nhân, cơ quan chức năng nào, trước khi phát khu rừng có các cây thân gỗ có kích thước khác nhau, đang sống mọc xen lẫn cây vầu, nửa các cây này không có giá trị kinh tế, toàn bộ cây tự nhiên sau khi phát phá để trên rừng tự khô héo, rồi đốt để tăng độ màu mỡ cho đất và dọn dẹp lấy mặt bằng canh tác. Việc phát phá, đốt khu rừng do Triệu Thị L một mình thực hiện, không có ai tham gia cùng, đến ngày 03/01/2026 bị cơ quan chức năng phát hiện.

Về vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (Một) con dao quắm, dao có cán gỗ, lưỡi và chuôi dao màu đen bằng kim loại, có dán giấy niêm phong; 01 (Một) chiếc bật lửa gas, thân màu đỏ, đã cũ, đã qua sử dụng, niêm phong trong phong bì ký hiệu B1.

(Các vật chứng trên đang được bảo quản theo quy định của pháp luật).

- 3,354m³ gỗ tròn tự nhiên loài thông thường và 1.677 gốc cây vầu, nửa tại hiện trường đang giao cho UBND xã T và Hạt Kiểm lâm S quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền theo bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản và trồng lại rừng khắc phục hậu quả. Bị cáo Triệu Thị L đã tự nguyện nộp số tiền 1.587.650 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường thiệt hại và trồng lại rừng theo yêu cầu của Nguyên đơn dân sự.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSTNN-KV ngày 27/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên, truy tố Triệu Thị L về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2025). Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 7.000 mét vuông (m^2); ...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Triệu Thị L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai trong quá trình điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Mục đích bị cáo phát phá diện tích rừng nêu trên vào đầu tháng 12 năm 2025 là để trồng cây phát triển kinh tế gia đình, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, thiếu đất sản xuất canh tác. Việc phát, phá đốt khu rừng do Triệu Thị L một mình thực hiện, không bàn bạc với ai, không có ai tham gia cùng và cũng không xin phép cơ quan có thẩm quyền cho phép. Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền 1.587.650 đồng tại Cơ quan Thi hành án Dân sự để bồi thường thiệt hại nguyên đơn dân sự. Vào khoảng tháng 3 năm 2026 bị cáo đã trồng khoảng 1200 cây keo trên toàn bộ diện tích đất rừng bị cáo đã phát phá để khắc phục hậu quả. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, gia đình đều làm nghề nông nghiệp nhưng thiếu đất canh tác, thu nhập của bản thân không có và không ổn định. Gia đình bị cáo cư trú tại khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, do vậy xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, xin được cải tạo tại địa phương và xin được miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên trình bày ý kiến: Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền theo bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản là 1.587.650 đồng và trồng lại rừng khắc phục hậu quả. Từ tháng 02 năm 2026, Triệu Thị L cùng gia đình, người dân trong thôn đã trồng khoảng 1200 cây keo, mỗi cây có giá trị 2000 đồng tại khu rừng bị cáo đã phát, phá và đốt trước đó, tỷ lệ cây keo sống là khoảng 90%.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn T trình bày ý kiến: Ông T là chồng của bị cáo L, là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện N, tỉnh Bắc Kạn cũ cấp cho hộ gia đình vào năm 2001. Tuy nhiên quá trình L phát phá, đốt rừng ông T không biết vì ông T đi làm

thuê không ở nhà, do một mình Triệu Thị L thực hiện, gia đình không có ai tham gia giúp sức, L cũng không bàn bạc với ai về việc phát phá rừng. Đối với các dụng cụ Triệu Thị L sử dụng để phát, phá, đốt rừng ông T không có ý kiến gì.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Triệu Thị L phạm tội “Hủy hoại rừng”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo; Về phân trách nhiệm dân sự, đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại với số tiền 1.587.650 đồng cho nguyên đơn dân sự, ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền này tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường thiệt hại; Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm có cán gỗ, lưỡi và chuôi dao màu đen bằng kim loại, có dán giấy niêm phong; 01 chiếc bật lửa gas được niêm phong trong phong bì ký hiệu B1; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 3,354m³ gỗ tròn tự nhiên loài thông thường; Đối với 1.677 gốc cây vầu, nửa tại hiện trường giao cho Hạt Kiểm lâm S quản lý theo quy định; Tạm giữ số tiền 1.587.650 đồng bị cáo đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo thi hành án cho bị cáo về bồi thường thiệt hại. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, xử lý vật chứng. Đề nghị HĐXX đánh giá toàn diện vụ án, xét nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo làm nghề nông nghiệp nhưng thiếu đất canh tác. Nhận thức về pháp luật, về xã hội của bị cáo còn rất nhiều hạn chế nên đã dẫn đến hành vi phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền theo kết luận định giá để bồi thường thiệt hại và trồng 1200 cây keo trên diện tích rừng bị cáo đã phát phá để khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với mức thấp nhất theo đề xuất của Viện kiểm sát để bị cáo có điều kiện sửa chữa sai lầm, tiếp tục rèn luyện để trở thành công dân tốt. Hình phạt bổ sung không đề nghị áp dụng, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội do nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có đất canh tác trồng rừng để phát triển kinh tế gia đình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập đúng trình tự thủ tục Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định và có giá trị pháp lý làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Kết luận, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã tuân thủ đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Tháng 12/2025 tại các lô rừng 18, 40, khoảnh 1, Tiểu khu A thuộc thôn S, xã T, tỉnh Thái Nguyên, theo Bản đồ quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, ban hành kèm theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Triệu Thị L một mình dùng dao phát phá trái phép rừng tự nhiên. Tổng diện tích rừng bị phát phá trái phép là 4.800m² thuộc loại rừng phòng hộ, trạng thái rừng tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng, lâm sản bị thiệt hại còn tại hiện trường 115 cây gỗ tròn tự nhiên loài thông thường từ nhóm VI đến nhóm VIII, khối lượng 3,354m³ và 1.677 cây vầu nửa tự nhiên, có tổng giá trị là 1.587.650 đồng. Mục đích L phát phá rừng là để có thêm diện tích đất sản xuất nông nghiệp cho gia đình. Diện tích rừng bị phát phá được UBND huyện N cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 097065 cấp ngày 15/11/2001 cho hộ ông Triệu Văn T (chồng bị cáo L).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương và phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là người dân tộc Dao, trình độ học vấn thấp, hiểu biết về pháp luật và xã hội còn nhiều hạn chế.

- Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tự nguyện nộp một khoản tiền 1.587.650đ tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để bồi thường thiệt hại cho Nguyên đơn dân sự, bị cáo đã tự nguyện trồng lại 1200 cây keo trên phần diện tích rừng mà bị cáo phát phá thể hiện ý thức khắc phục hậu quả của bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát; lời bào chữa của người bào chữa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thái Nguyên tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và phù hợp với tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo. Các đề nghị khác của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Quan điểm bào chữa của người bào chữa và mức hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo là có căn cứ và nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố, phù hợp với mức hình phạt do Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào các quy định của pháp luật: HĐXX xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo có nghề nghiệp làm ruộng nhưng thiếu đất canh tác sản xuất phát triển kinh tế gia đình. Sự hiểu biết, nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế; nguyên nhân, động cơ, mục đích bị cáo phát phá rừng là để lấy đất canh tác, trồng cây phát triển kinh tế gia đình. Sau khi sự việc xảy ra, vào tháng 02 năm 2026, bị cáo cùng gia đình đã trồng khoảng 1.200 cây keo trên toàn bộ diện tích rừng bị cáo đã phát phá, đốt trước đó để khắc phục hậu quả, tỷ lệ cây keo sống là khoảng 90%. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có đủ điều kiện áp dụng Điều 65/BLHS cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo làm ruộng không có thu nhập ổn định, không có tài sản có giá trị. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét

thấy không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng, tính nhân văn của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn dân sự và bị cáo thoả thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại, bị cáo L nhất trí bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thái Nguyên với số tiền là 1.587.650 đồng. Xét thấy thoả thuận của bị cáo và đại diện nguyên đơn dân sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được ghi nhận. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.587.650 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền số 0000542 ngày 13/5/2026 để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại về dân sự.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 con dao quắm có cán gỗ, lưỡi và chuôi dao màu đen bằng kim loại; 01 chiếc bật lửa gas được niêm phong trong phong bì ký hiệu B1 là công cụ mà Triệu Thị L sử dụng phát phá, đốt rừng không còn giá trị sử dụng do vậy cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 3,354m³ gỗ tròn tự nhiên loài thông thường từ nhóm VI đến nhóm VIII, đang quản lý tại hiện trường cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước; Đối với 1.677 gốc cây vầu nửa tự nhiên tại hiện trường cần tiếp tục giao cho H Kiểm lâm số 4 quản lý theo quy định.

[8]. Về các vấn đề khác: Đối với ông Triệu Văn T là chồng bị cáo Triệu Thị L, ông T là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình năm 2001. Qua điều tra xác định, việc phát phá rừng do một mình Triệu Thị L thực hiện, không có ai tham gia giúp sức, bị cáo không bàn bạc với ai về việc phát phá rừng, do đó, không có căn cứ xem xét xử lý đối với ông Triệu Văn T là đúng quy định.

[9]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017 và 2025*).

[1]. Tuyên bố bị cáo Triệu Thị L phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Xử phạt: Triệu Thị L 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Triệu Thị L cho UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

“ Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2025.”

Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Triệu Thị L 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự thoả thuận bồi thường thiệt hại giữa đại diện nguyên đơn dân sự UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên và bị cáo. Buộc bị cáo Triệu Thị L phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự số tiền là 1.587.650đ (Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng) để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 1.587.650đ (Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0000542 ngày 13/5/2026 để đảm bảo cho việc bồi thường.

[3]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (Một) con dao quắm, dao có cán gỗ, lưỡi và chuôi dao màu đen bằng kim loại, được niêm phong bằng giấy dán quanh cán và thân dao;

+ 01 (Một) chiếc bật lửa gas, có thân màu đỏ, đã cũ, đã qua sử dụng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu B1.

(Số lượng, hiện trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04/6/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thái Nguyên).

- Tạm giữ số tiền 1.587.650,đ (Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng) bị cáo nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai số 0000542 ngày 13/5/2026 để đảm bảo cho việc thi hành án bồi thường cho nguyên đơn.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 3,354m³ gỗ tròn tự nhiên loài thông thường từ nhóm VI đến nhóm VIII, đang quản lý tại hiện trường, giao cho Hạt Kiểm lâm S và UBND xã T, tỉnh Thái Nguyên quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Giao cho Hạt Kiểm lâm số 4, tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy định của pháp luật 1.677 gốc cây vầu, nứa tự nhiên tại hiện trường.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Triệu Thị L.

[5]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- CA tỉnh (PC10);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- Bị cáo; Người bào chữa
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Phòng THA dân sự khu vực 8;
- THA hình sự;
- Hạt kiểm lâm số 4, Thái Nguyên;
- UBND xã Thượng Quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Bình